

CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

NGUYỄN VĂN GIÀU

Giám đốc Sở NN&PTNT Đồng Nai

Nông nghiệp tuy không chiếm tỉ trọng lớn nhưng là lĩnh vực chiếm tới hơn 65% lao động và có những đóng góp quan trọng trong việc phục vụ phát triển các ngành kinh tế khác của tỉnh. Tỉ trọng nông nghiệp trong tổng thể các ngành kinh tế của Đồng Nai năm 2004 là 16%. Quỹ đất dành cho phát triển nông nghiệp của tỉnh có khoảng 356.600ha, trong đó, đất trồng cây lâu năm là 115.906 ha. Đất canh tác ở Đồng Nai thích hợp cho việc trồng cây công nghiệp ngắn ngày và các loại cây ăn quả. Một số cây trồng chủ yếu trên địa bàn tỉnh là bắp (65.548 ha), cao su (41.212 ha), cà phê (32.000 ha), điều (44.053 ha), sắn (18.088 ha), mía (11.000 ha), đậu nành (5.164 ha), thuốc lá (2.303 ha), bông vải (1.459 ha)... Bên cạnh đó, tỉnh cũng có những điều kiện thiên nhiên thuận lợi cho việc phát triển lâm nghiệp và thủy sản.

1. Một số biện pháp về phát triển NN,NT.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, UBND tỉnh, ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn (NN&PTNT) tỉnh Đồng Nai đã chủ động xây dựng kế hoạch phát triển của toàn ngành và đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ,

hướng dẫn các đơn vị trên địa bàn xây dựng kế hoạch sản xuất - kinh doanh, đồng thời, phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh và UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hoà để xây dựng Chương trình phát triển NN,NT giai đoạn 2001-2010. Công tác quy hoạch và rà soát, điều chỉnh quy hoạch nông-lâm-ngư nghiệp và thủy lợi ngày càng được quan tâm. Công tác tổ chức, quản lý, quy hoạch và đào tạo cán bộ phục vụ nhiệm vụ QLNN và phát triển NN,NT được chú trọng. Việc củng cố, sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp, nông - lâm trường, xây dựng các hợp tác xã được khẩn trương thực hiện đúng quy định theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh.

Để đẩy mạnh phát triển NN,NT, tỉnh đã chú trọng chỉ đạo việc triển khai đầu tư chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng cường khâu chế biến sản phẩm nông nghiệp. Mặt khác, tỉnh cũng khuyến khích nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp có hiệu quả như mô hình nông dân tự đáp ứng thời vụ để giữ nước làm vụ Đông-Xuân, tưới nước nhỏ giọt, tiết kiệm; nuôi heo, gà có hệ thống làm mát; câu lạc bộ 10 tấn bắp, 4 tấn tiêu, 4 tấn điều, 2 tấn bông vải. Đồng thời, xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới trên cơ sở đẩy mạnh các hoạt động sự nghiệp hỗ trợ,

hướng dẫn nông dân kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, bảo vệ thực vật, thú y, vật tư kỹ thuật nông nghiệp, đưa vào sản xuất các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt... Tỉnh đã chỉ đạo ngành NN&PTNT phối hợp cùng với các ngành, các địa phương trong tỉnh vận động thu hút mọi thành phần kinh tế đầu tư chế biến nguyên liệu nông sản, tích cực hỗ trợ tiêu thụ, thực hiện ký hợp đồng đầu tư ứng trước và bao tiêu sản phẩm nông nghiệp giữa doanh nghiệp nhà nước với nông dân.

Đặc biệt, việc chỉ đạo thực hiện các chương trình phát triển NN,NT trên địa bàn tỉnh đã đem lại nhiều chuyển biến tích cực. Cụ thể là:

- *Chương trình 135 - Chương trình phát triển miền núi vùng đồng bào dân tộc thiểu số và 16 xã đặc biệt khó khăn.* Việc thực hiện lồng ghép các chương trình, trong đó lấy địa bàn của Chương trình 135 là chủ yếu, đã tạo điều kiện từng bước ổn định đời sống, sản xuất cho nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, đồng thời tạo điều kiện tăng cường đầu tư cho hạ tầng kỹ thuật phục vụ sản xuất, mở rộng khả năng tưới... Riêng trong năm 2004, đã sửa chữa 18 công trình giao thông, xây dựng mới và nâng cấp 35 km đường điện hạ thế và 4 công trình giếng khoan. Việc đi lại, vận chuyển hàng hoá nông sản được thuận lợi hơn trước, giảm đáng kể sự chênh lệch giá cả trên địa bàn xã. Điện, nước sinh hoạt đã phục vụ đến các cộng đồng dân cư. Việc mở lớp tập huấn cán bộ xã, ấp đã được đẩy mạnh; các lớp khuyến nông, khuyến lâm được tổ chức cho hàng ngàn lượt người tham dự đã góp phần nâng cao sự hiểu biết về kỹ

thuật sản xuất nông nghiệp cho nhân dân trong vùng. Ngoài ra, việc thực hiện chương trình cũng góp phần giải quyết việc làm cho nhiều lao động, xoá đói, giảm nghèo cho hàng trăm hộ nông dân. Riêng năm 2004, chương trình đã hỗ trợ cho 466 hộ gia đình khó khăn.

- *Chương trình cơ giới hoá nông nghiệp.* Việc khuyến khích nông dân đầu tư thêm một số máy móc sử dụng trong sản xuất như máy làm đất, máy bơm, tưới phun thuốc bảo vệ thực vật, máy công tác nông nghiệp khác phục vụ ngoài đồng, chuồng trại, các máy sơ chế nông sản... đã tác động tích cực đến kết quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn, tạo điều kiện đảm bảo tính thời vụ trong gieo trồng, tăng năng suất lao động, tăng giá trị và chất lượng sản phẩm, góp phần đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tăng sản lượng nông sản hàng hoá. Trong năm 2004, ngành đã trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án đầu tư trang bị cơ điện phục vụ sản xuất NN&PTNT trên địa bàn toàn tỉnh đến năm 2010, làm cơ sở thực hiện trong các năm tiếp theo.

- *Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường.* Qua việc thực hiện chương trình này và lồng ghép với các chương trình khác, công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng như sự kết hợp giữa các đoàn thể để tuyên truyền, vận động nhân dân sử dụng nước sạch đã được chú trọng. Tỉnh đã tích cực vận động nhân dân tham gia đóng góp vốn xây dựng hệ thống cấp nước, chuồng trại chăn nuôi hợp vệ sinh, đạt kết quả tốt. Đến năm 2004, tỉ lệ người dân ở nông thôn được sử dụng nước sạch đạt 70%.

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

- *Chương trình ứng dụng công nghệ sinh học*: được thực hiện từ năm 2001, đã đạt những kết quả tốt. Nhờ sử dụng các giống mới, gieo trồng phù hợp với diễn biến của thời tiết, cải tiến chế độ canh tác về mật độ cây trồng, chế độ phân bón hợp lý, sử dụng hệ thống nhà lưới, màng phủ, xử lý ra hoa tạo trái... nên đã khắc phục được những bất lợi do thời tiết, năng suất của một số loại cây trồng chính của tỉnh tiếp tục tăng. Hiện đã có 100% diện tích trồng lúa, sắn, ngô, đậu, mía được trồng bằng giống mới. Trong chăn nuôi, đã đưa vào sử dụng những giống gia súc, gia cầm mới, cho năng suất và chất lượng tốt, phù hợp với thị trường, rút ngắn thời gian xuất chuồng. Các mô hình thâm canh tổng hợp như cá-lúa, tôm lúa, lúa-màu, mô hình VAC mang lại hiệu quả cao trên đơn vị diện tích nên được nhiều hộ nông dân trong tỉnh áp dụng.

Nhờ tích cực thực hiện các biện pháp nói trên, trong những năm 2001-2004, mặc dù thời tiết diễn biến phức tạp, giá cả các mặt hàng nông sản chủ lực của tỉnh trên thị trường giảm sút liên tục, trong khi giá cả một số vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp lại tăng, nhưng toàn ngành vẫn tiếp tục phát triển ổn định, giá trị sản xuất nông - lâm - thủy sản tăng trưởng bình quân hàng năm trên 5%, vượt mục tiêu Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh đề ra. Riêng trong năm 2004, giá trị sản xuất nông nghiệp là 5.182,96 tỉ đồng, đạt 101% kế hoạch, tăng 4,95% so với năm 2003; giá trị sản xuất lâm nghiệp là 61,56 tỉ đồng, đạt 98,92% kế hoạch, tăng 1,89%; giá trị sản xuất thủy sản là 334,89 tỉ đồng, đạt 98,53% kế hoạch, tăng 7,4%. Hoạt động của các doanh nghiệp trong lĩnh vực

nông nghiệp của tỉnh đã có hiệu quả hơn so với năm 2003; tổng doanh thu của các doanh nghiệp năm 2004 là 1.204,1 tỉ đồng, đạt 129% kế hoạch, tăng 32,19% so với năm 2003, giá trị xuất khẩu là 38,63 triệu USD, đạt 148% kế hoạch, tăng 73%.

Bên cạnh những kết quả nói trên, ngành nông nghiệp của Đồng Nai vẫn còn nhiều hạn chế. Việc quản lý giống cây trồng, vật nuôi, giết mổ gia súc... vẫn còn nhiều bất cập, cần phải phối hợp với các ngành, các địa phương trên địa bàn để nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ cho phù hợp với điều kiện cụ thể của tỉnh. Công tác chỉ đạo, hướng dẫn và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật đã được chú trọng, sự phối hợp với các đoàn thể trong công tác hướng dẫn, chuyển giao cho cán bộ đoàn thể đạt kết quả tốt nhưng tiến độ triển khai từ cán bộ đoàn thể ra đoàn viên, hội viên còn hạn chế. Việc chỉ đạo nhân ra diện rộng đối với các mô hình hiệu quả đã được thực hiện tốt ở một số địa phương nhưng một số nơi khác còn chậm. Việc củng cố các doanh nghiệp và đầu tư theo chiều sâu có nhiều chuyển biến tích cực song hầu hết các dự án còn nhỏ và hạn chế về vốn đầu tư; chưa có giải pháp xử lý hiệu quả đối với các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ. Việc giải quyết đầu ra cho sản phẩm nông - lâm - ngư nghiệp mới chỉ thực hiện tốt đối với những sản phẩm gắn với công nghiệp chế biến như mía, điều, dứa, cà phê..., còn các sản phẩm khác, nhất là các loại quả còn chưa có cơ sở chế biến; vật nuôi cũng phụ thuộc chủ yếu vào thị trường nội địa. Nhìn chung, sản xuất nông nghiệp của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ, chất lượng sản phẩm chưa đồng

đều, giá cả không ổn định, nhiều loại nông phẩm cao hơn giá của khu vực và thế giới. Chưa có doanh nghiệp đầu tư cây trồng, vật nuôi chuyên một loại giống theo quy trình chuẩn để có thể cho ra chất lượng đồng đều và hạ giá thành. Việc đầu tư của các hộ dân tuy đã được mở rộng hơn trước song vẫn còn hạn chế so với tiềm năng.

2. Đẩy mạnh phát triển NN,NT.

Trên cơ sở những kết quả và hạn chế về phát triển NN,NT cũng như của công tác QLNN trong lĩnh vực này, ngành nông nghiệp tỉnh Đồng Nai đã đề ra những biện pháp khắc phục khó khăn và đẩy mạnh hơn nữa sự phát triển NN,NT của tỉnh. Tiếp tục thực hiện Chương trình phát triển NN,NT giai đoạn 2001-2010, tập trung vào các mục tiêu đầu tư phát triển NN,NT miền núi, vùng khó khăn, đầu tư ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp, khuyến khích đầu tư nâng cao năng lực của các doanh nghiệp sản xuất giống cây trồng, vật nuôi... Tập trung vào 7 nhiệm vụ chủ yếu: đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác giống cây trồng và vật nuôi; đa dạng hoá các sản phẩm nông nghiệp; tăng cường các biện pháp sinh học trong nông nghiệp; nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật; tăng cường công tác quản lý, nghiên cứu cải tiến quy trình sản xuất và đẩy mạnh công tác khuyến nông; phát triển hạ tầng NN,NT; cơ khí hoá NN,NT.

Riêng trong năm 2005, tỉnh phấn đấu đạt các chỉ tiêu phát triển NN,NT như sau: Giá trị sản xuất nông nghiệp là 5.403,760 tỉ đồng, tăng 4,26% so với năm 2004; giá trị sản xuất lâm nghiệp là 63,373 tỉ, tăng 2,95% so với năm 2004;

giá trị sản xuất thuỷ sản là 363,36 tỉ, tăng 8,5%. Kim ngạch xuất khẩu là 1.235,94 tỉ, tăng 2,64% so với năm 2004; nhập khẩu là 31.624 triệu USD, tăng 25,39 triệu USD so với năm 2004...

Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu nói trên, tỉnh cần tăng cường chỉ đạo ngành NN&PTNT tiếp tục thực hiện các giải pháp chủ yếu:

- Đẩy mạnh thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và 16 xã đặc biệt khó khăn, tích cực chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất các loại nông sản hàng hoá có lợi thế, các chương trình đầu tư các dự án nhỏ để tạo việc làm, điều chỉnh sắp xếp lại dân cư, tổ chức lại sản xuất, đồng thời, có chính sách ưu tiên, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở các địa bàn này.

- Quy hoạch vùng, khuyến khích phát triển vùng cây ăn quả đặc sản của tỉnh, vùng chăn nuôi tạo ra các sản phẩm có năng suất cao, chất lượng tốt.

- Đẩy mạnh triển khai ứng dụng khoa học - công nghệ trong NN,NT. Củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của các đơn vị sự nghiệp thuộc ngành NN&PTNT. Tăng cường phối hợp với các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể để phát huy sức mạnh tổng hợp trong việc nghiên cứu ứng dụng các thành tựu công nghệ sinh học vào sản xuất.

- Tích cực huy động vốn đầu tư vào phát triển cơ sở hạ tầng NN,NT. Thực hiện tốt việc lồng ghép chương trình nước sạch với các chương trình khác như định canh-định cư, xoá đói giảm

nghèo, Chương trình 135, huy động nhiều nguồn vốn như vốn ODA, vốn vay tín dụng, vốn từ các thành phần kinh tế, đặc biệt là vốn trong dân để đầu tư cơ sở hạ tầng nông thôn; chú trọng đầu tư cho các xã nghèo đặc biệt khó khăn,...

- Rà soát lại quy hoạch bố trí, sử dụng và đào tạo cán bộ trong ngành, từng bước thực hiện việc luân chuyển cán bộ theo hướng tăng cường tiếp cận thực tế, qua đó lựa chọn cán bộ tích cực, năng động, sáng tạo, bố trí vào các chức danh phù hợp. Cán bộ trong ngành cần thường xuyên bám sát cơ sở để kịp thời

uốn nắn, giúp đỡ các doanh nghiệp, các hộ nông dân hạn chế sai sót, nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh. Đồng thời, cần phối hợp với các địa phương và các đoàn thể, thực hiện tốt việc chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật cho nông dân và nâng cao kiến thức về nông nghiệp của cán bộ cơ sở ở các địa phương. Nhanh chóng chỉ đạo nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất - kinh doanh tiên tiến trong địa bàn tỉnh. Phối hợp với các địa phương, các ngành huy động các thành phần kinh tế đầu tư vào chế biến, ổn định tiêu thụ nông sản □

* * * * *

GIẢI PHÁP THU HÚT ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI...

(Tiếp theo trang 43)

án không triển khai, hình thức xử lý các trường hợp doanh nghiệp không báo cáo thực hiện vốn đầu tư, không quyết toán vốn theo quy định.

- Đối với các lĩnh vực khác, cần nới lỏng việc hạn chế tỉ lệ lao động nước ngoài trong các doanh nghiệp có vốn ĐTNN, nhất là đối với các doanh nghiệp công nghệ cao, các doanh nghiệp đầu tư trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khám chữa bệnh... (việc hạn chế người lao động nước ngoài chỉ nên áp dụng cho một số ngành, nghề cụ thể và cũng chỉ thực hiện sau thời gian chuyên gia và công nhân Việt Nam đã được đào tạo đáp ứng nhu cầu của ngành nghề đó. Từng bước mở rộng đầu tư trong các lĩnh vực thương mại, dịch vụ, xây dựng khu dân cư, các lĩnh vực đang bị hạn chế bởi quy hoạch ngành như xi măng, sắt thép... nhằm tiến tới

không phân biệt đối xử với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

- Chính phủ cần dành ngân sách hợp lý để hình thành quỹ xúc tiến đầu tư (hiện nay chỉ có quỹ xúc tiến thương mại). Hoạt động xúc tiến đầu tư cần tiến hành một cách chuyên nghiệp và tập trung.

- Cho phép tỉnh Đồng Nai tùy theo tình hình thực tế có thể bổ sung một số xã khó khăn vào địa bàn khuyến khích đầu tư (hiện nay mức ưu đãi thường chỉ tính đến cấp huyện). Đồng thời, cho phép tỉnh thí điểm hình thành quỹ đào tạo có sự đầu tư của Nhà nước và đóng góp từ các doanh nghiệp trên địa bàn (từ 1-1,5% quỹ lương và dành 12-16 giờ/năm đào tạo bổ sung cho mỗi công nhân) để đáp ứng nhu cầu thực tế về đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh □